

Số: /TTr-SNV

Bình Định, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ,
công chức, viên chức do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản
biên chế tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Công điện số 209/CĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Sở Nội vụ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tiếp tục thực hiện Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 15/3/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 04/6/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp

công lập; theo đó, đến năm 2026 số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập còn nhiều nhất là 24.318 người, giảm tối thiểu 2.702 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 (bình quân mỗi năm giảm tối thiểu 2%, tương ứng 541 người).

Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ, từ năm 2015 đến ngày 30/12/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thẩm định giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo diện dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quy định của cơ quan có thẩm quyền là 36/493 người.

Việc hỗ trợ thêm một phần kinh phí ngoài các chế độ, chính sách hiện hành nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức được nghỉ việc do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; đẩy mạnh việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong; đẩy mạnh tinh giản biên chế, kiên quyết đảm bảo đạt chỉ tiêu theo quy định mỗi năm giảm ít nhất 2% biên chế so với chỉ tiêu biên chế được giao.

Từ cơ sở nêu trên, tỉnh cần ban hành Nghị quyết thông qua chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

II. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Bố cục của Dự thảo

Dự thảo gồm 04 Điều:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2: Đối tượng áp dụng.

Điều 3: Chế độ, chính sách, nguồn kinh phí và thời gian thực hiện.

Điều 4: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung của Dự thảo

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tinh giản biên chế; nghỉ việc theo nguyện vọng dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và cán bộ, công chức cấp xã hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là cán bộ, công chức, viên chức) thực hiện tinh giản biên chế quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ thuộc diện dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

b) Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được cấp có thẩm quyền bố trí công tác khác nhưng cá nhân không có nguyện vọng tiếp tục công tác và có đơn tự nguyện xin thôi việc theo nguyện vọng được cấp có thẩm quyền giải quyết.

2. Đối tượng không áp dụng

a) Các đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế trừ điểm a, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

b) Cán bộ, công chức đã hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội;

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã có thông báo nghỉ hưu (còn đủ 06 tháng đến tuổi nghỉ hưu) theo quy định của pháp luật;

d) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tiến sĩ; bác sĩ; dược sĩ đại học trở lên;

đ) Các đối tượng đang trong thời gian luân chuyển, biệt phái; đang bị xem xét kỷ luật; đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 3. Chế độ, chính sách, nguồn kinh phí và thời gian thực hiện

1. Chế độ, chính sách hỗ trợ: Đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 mục II Tờ trình này, ngoài được hưởng các chế độ, chính sách tinh giản biên chế, thôi việc theo quy định hiện hành của pháp luật còn được hỗ trợ một lần bằng 09 (chín) tháng tiền lương hiện hưởng (gồm tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ, chức danh, cộng với các khoản phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)).

2. Điều kiện áp dụng

Các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 mục II Tờ trình này được hưởng chính sách hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cơ quan, đơn vị nơi cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Sau khi có văn bản phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế hoặc quyết định cho thôi việc của cấp có thẩm quyền.

3. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1 Điều 2 mục II Tờ trình này công tác tại cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp (đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên và đơn vị bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên) do ngân sách nhà nước chi trả theo phân cấp ngân sách;

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1 Điều 2 mục II Tờ trình này công tác tại các đơn vị tự chủ tài chính (đơn vị tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên) do đơn vị chi trả từ nguồn thu của đơn vị.

4. Thời gian thực hiện: Nghị quyết thực hiện kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết;

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Dự báo tác động kinh tế - xã hội

Chính sách được thông qua sẽ góp phần hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tinh giản biên chế; nghỉ việc theo nguyện vọng diện dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy;

Đẩy mạnh việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong; thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự trên địa bàn tỉnh Bình Định; đẩy mạnh tinh giản biên chế, kiên quyết đảm bảo đạt chỉ tiêu theo quy định mỗi năm giảm ít nhất 2% biên chế so với chỉ tiêu biên chế được giao.

4. Nguồn lực tài chính

a) Nguồn tài chính chi trả cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp (do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên và đơn vị bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên) do ngân sách nhà nước chi trả theo phân cấp ngân sách.

b) Nguồn tài chính chi trả cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị tự chủ tài chính (đơn vị tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên) do đơn vị chi trả từ nguồn thu của đơn vị.

(Có dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo).

Kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu VT. P. TCBC&TCPCP.